

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 48/2016/QĐ-UBND

*Bình Dương, ngày 20 tháng 12 năm 2016*

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia  
các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương  
tỉnh Bình Dương thời kỳ ổn định ngân sách năm 2017-2020**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị quyết số 50/2016/NQ-HĐND9 ngày 16/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Bình Dương thời kỳ ổn định ngân sách năm 2017-2020;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 114/TTr-STC ngày 19 tháng 12 năm 2016,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Bình Dương thời kỳ ổn định ngân sách năm 2017-2020.

**Điều 2.** Sở Tài chính triển khai, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, các xã, phường, thị trấn thực hiện Quyết định này.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các sở, ban ngành, đoàn thể của tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, các xã, phường, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định.

### **Điều 4.**

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.
2. Quyết định này bãi bỏ các văn bản sau:

- Quyết định số 52/2010/QĐ-UBND ngày 22/12/2010 của Ủy ban nhân tỉnh về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm phân chia các nguồn thu giữa các cấp ngân sách địa phương và số bổ sung cân đối ngân sách từng huyện, thị xã năm 2011, thời kỳ ổn định ngân sách năm 2011-2015;

- Quyết định số 55/2013/QĐ-UBND ngày 31/12/2013 của Ủy ban nhân tỉnh về phân chia tỷ lệ phần trăm các khoản thu ngân sách nhà nước giữa các cấp ngân sách địa phương giai đoạn 2014-2015;

- Quyết định số 13/2014/QĐ-UBND ngày 14/5/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2014 và tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu ngân sách nhà nước giữa các cấp ngân sách địa phương giai đoạn 2014-2015 cho thị xã Tân Uyên;

- Quyết định số 14/2014/QĐ-UBND ngày 14/5/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2014 và tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu ngân sách nhà nước giữa các cấp ngân sách địa phương giai đoạn 2014-2015 cho huyện Bắc Tân Uyên;

- Quyết định số 15/2014/QĐ-UBND ngày 14/5/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2014 và tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu ngân sách nhà nước giữa các cấp ngân sách địa phương giai đoạn 2014-2015 cho thị xã Bến Cát;

- Quyết định số 16/2014/QĐ-UBND ngày 14/5/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2014 và tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu ngân sách nhà nước giữa các cấp ngân sách địa phương giai đoạn 2014-2015 cho huyện Bàu Bàng./.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**  
**Đã ký: Trần Thanh Liêm**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

### **QUY ĐỊNH**

**Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Bình Dương thời kỳ ổn định ngân sách năm 2017-2020**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 48 /2016/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)*

## **I. NGUYÊN TẮC THỰC HIỆN PHÂN CẤP QUẢN LÝ NGÂN SÁCH**

Việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giai đoạn 2017-2020 phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Ngân sách mỗi cấp chính quyền địa phương được phân cấp nguồn thu và nhiệm vụ chi cụ thể, trong đó ngân sách cấp tỉnh đóng vai trò chủ đạo, bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ chi của toàn tỉnh, hỗ trợ các địa phương chưa cân đối được ngân sách và hỗ trợ các địa phương theo quy định tại Khoản 3, Điều 40 của Luật Ngân sách nhà nước (NSNN). Đồng thời có cơ chế khuyến khích sự năng động, tích cực của các địa phương trong việc khai thác nguồn thu<sup>1</sup>.

- Việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách ở địa phương phù hợp với phân cấp quản lý thu và phân cấp quản lý về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và trình độ quản lý của mỗi cấp trên địa bàn. Nhiệm vụ chi thuộc ngân sách cấp nào do ngân sách cấp đó bảo đảm; việc ban hành và thực hiện chính sách, chế độ mới làm tăng chi ngân sách phải có giải pháp bảo đảm nguồn tài chính, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách từng cấp.

- Thực hiện phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) đối với các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách và số bổ sung từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới trên cơ sở bảo đảm công bằng, phát triển cân đối giữa các địa phương, khuyến khích các địa phương tích cực khai thác nguồn thu, chủ động sắp xếp chi, qua việc ngân sách cấp trên sẽ giữ nguyên tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách và số bổ sung cân đối ngân sách trong suốt thời kỳ ổn định; hàng năm, nếu có thay đổi chính sách, chế độ làm tăng chi ngân sách thì ngân sách cấp trên sẽ căn cứ khả năng cân đối ngân sách, xem xét để tăng thêm số bổ sung cân đối ngân sách cho ngân sách cấp dưới so với năm đầu thời kỳ ổn định.

<sup>1</sup> Như cơ chế thường thu vượt dự toán, cơ chế chi trả lại đối với các huyện tích cực khai thác quỹ đất công phục vụ cho đầu tư phát triển, cơ chế hỗ trợ có mục tiêu cho các huyện có phát sinh nguồn thu lớn đối với các khoản thu thuộc ngân sách tỉnh, cơ chế hỗ trợ số thu từ đầu giá quyền sử dụng đất, giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn xã để xây dựng nông thôn mới,...

## II. NỘI DUNG PHÂN CẤP NGUỒN THU, NHIỆM VỤ CHI GIỮA NGÂN SÁCH CÁC CẤP CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN NĂM 2017-2020

### 1. Phân cấp nguồn thu ngân sách và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu ngân sách giữa các cấp chính quyền địa phương

| STT      | Nội dung   | Ngân sách nhà nước |           |        |
|----------|--|--------------------|-----------|--------|
|          |  | Cấp tỉnh           | Cấp huyện | Cấp xã |
| <b>I</b> | <b>Các khoản thu mỗi cấp ngân sách (tỉnh, huyện, xã) được hưởng 100%</b>                 |                    |           |        |
| 1        | Thuế tài nguyên  |                    |           |        |
| 1.1      | Thu từ khu vực kinh tế nhà nước <sup>2</sup> và khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài | 100%               |           |        |
| 1.2      | Thu từ khu vực kinh tế dân doanh   |                    |           |        |
|          | - Cấp tỉnh, huyện quản lý  |                    | 100%      |        |
|          | - Cấp xã quản lý   |                    |           | 100%   |
| 2        | Thuế sử dụng đất nông nghiệp   |                    |           |        |
|          | - Cấp tỉnh, huyện quản lý  |                    | 100%      |        |
|          | - Cấp xã quản lý   |                    |           | 100%   |
| 3        | Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp   |                    |           |        |
|          | - Cấp tỉnh, huyện quản lý  |                    | 100%      |        |
|          | - Cấp xã quản lý   |                    |           | 100%   |
| 4        | Tiền thuê mặt đất, mặt nước  |                    |           |        |
|          | - Từ khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài và tiền thuê đất của các Khu công nghiệp   | 100%               |           |        |
|          | - Từ các khu vực còn lại   |                    | 100%      |        |
| 5        | Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác do xã quản lý                       |                    |           | 100%   |

<sup>2</sup> Đối với số thu từ các DNNN, đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh cổ phần hóa chuyển từ thành phần kinh tế nhà nước sang thành phần kinh tế dân doanh vẫn được tiếp tục xếp vào thành phần kinh tế nhà nước và thực hiện điều tiết số thu theo quy định.

|    |   |      |      |      |
|----|---|------|------|------|
| 6  | Thu tiền sử dụng đất  | 100% |      |      |
| 7  | Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước   | 100% |      |      |
| 8  | Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết   | 100% |      |      |
| 9  | Thu từ quỹ dự trữ tài chính địa phương  | 100% |      |      |
| 10 | Các khoản thu hồi vốn của ngân sách địa phương đầu tư tại các tổ chức kinh tế; thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước do Ủy ban nhân dân (UBND) cấp tỉnh đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước (DNNN) do UBND cấp tỉnh đại diện chủ sở hữu                                | 100% |      |      |
| 11 | Lệ phí trước bạ   |      |      |      |
|    | - Cấp huyện quản lý   |      | 100% |      |
|    | - Cấp xã quản lý  |      |      | 100% |
| 12 | Lệ phí môn bài  |      |      |      |
|    | - Cấp tỉnh quản lý  | 100% |      |      |
|    | - Cấp huyện quản lý   |      | 100% |      |
|    | - Cấp xã quản lý  |      |      | 100% |
| 13 | Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước địa phương thực hiện, trường hợp được khoán chi phí hoạt động thì được khấu trừ; các khoản phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập và DNNN do UBND cấp tỉnh đại diện chủ sở hữu thì được phép trích lại một phần hoặc toàn bộ, phần còn lại thực hiện nộp ngân sách theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí và quy định khác của pháp luật có liên quan |      |      |      |
|    | - Phí thu từ các hoạt động của cơ quan nhà nước địa phương <sup>3</sup>   | 100% | 100% | 100% |

<sup>3</sup>Các khoản thu do cơ quan nhà nước địa phương thực hiện, các khoản thu từ tài sản các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý, các khoản huy động, viện trợ, thu khác, thu kết dư ngân sách các cấp, ... tại các Khoản từ 13 đến 21 được phân chia theo phân cấp quản lý, cấp nào thu sẽ do ngân sách cấp đó hưởng 100%.

|           |  |             |      |      |
|-----------|--|-------------|------|------|
|           | - Phí thu từ đơn vị sự nghiệp công lập và DNNN do UBND tỉnh đại diện chủ sở hữu  | 100%        |      |      |
|           | - Thu từ đơn vị sự nghiệp công lập cấp huyện   |             | 100% |      |
| 14        | Lệ phí do các cơ quan nhà nước địa phương thực hiện  | 100%        | 100% | 100% |
| 15        | Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước địa phương thực hiện | 100%        | 100% | 100% |
| 16        | Thu từ bán tài sản nhà nước do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý   | 100%        | 100% | 100% |
|           | <i>* Riêng thu tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất</i>   | <i>100%</i> |      |      |
| 17        | Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương xử lý                         | 100%        | 100% | 100% |
| 18        | Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho từng cấp ngân sách         | 100%        | 100% | 100% |
| 19        | Huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân cho ngân sách các cấp theo quy định của pháp luật                                 | 100%        | 100% | 100% |
| 20        | Thu kết dư ngân sách các cấp   | 100%        | 100% | 100% |
| 21        | Các khoản thu khác của các cấp ngân sách theo quy định của pháp luật   | 100%        | 100% | 100% |
| <b>II</b> | <b>Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ % giữa ngân sách Trung ương và NSDP</b>  |             |      |      |
| 1         | Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp  |             |      |      |
| 1.1       | Thu từ khu vực kinh tế nhà nước và khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài  | 36%         |      |      |
| 1.2       | Thu từ khu vực kinh tế dân doanh   |             |      |      |
| a         | Các huyện, thị xã, thành phố (trừ thị xã Thuận An)   |             |      |      |
|           | - Cấp tỉnh, huyện quản lý  |             | 36%  |      |
|           | - Cấp xã quản lý   |             |      | 36%  |

|            |   |     |                |     |
|------------|---|-----|----------------|-----|
| b          | Thị xã Thuận An   |     |                |     |
|            | - Cấp tỉnh, huyện quản lý   | 5%  | 31%            |     |
|            | - Cấp xã quản lý  | 5%  |                | 31% |
| 2          | Thuế thu nhập cá nhân (TNCN)  |     |                |     |
| 2.1        | Các huyện, thị xã, thành phố (trừ thị xã Thuận An)                              |     |                |     |
|            | - Thuế TNCN do Trung ương và tỉnh quản lý                                       | 36% |                |     |
|            | - Thuế TNCN do huyện trực tiếp quản lý  |     | 36%            |     |
| 2.2        | Thị xã Thuận An   |     |                |     |
|            | - Thuế TNCN do Trung ương và tỉnh quản lý                                       | 36% |                |     |
|            | - Thuế TNCN do thị xã trực tiếp quản lý   | 5%  | 31%            |     |
| 3          | Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa sản xuất trong nước                      | 36% |                |     |
| <b>III</b> | <b>Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên</b> |     |                |     |
| 1          | Thu bổ sung cân đối ngân sách   |     | x <sup>4</sup> | x   |
| 2          | Thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên                                   | x   | x              | x   |
| <b>IV</b>  | <b>Thu chuyển nguồn của ngân sách địa phương từ năm trước chuyển sang</b>       | x   | x              | x   |

## 2. Nhiệm vụ chi ngân sách của các cấp chính quyền địa phương:

| STT      | Nhiệm vụ chi   | Cấp tỉnh | Cấp huyện | Cấp xã |
|----------|--|----------|-----------|--------|
| <b>1</b> | <b>Chi đầu tư phát triển</b>   |          |           |        |
| 1.1      | Đầu tư cho các dự án do địa phương quản lý theo phân cấp đầu tư xây dựng cơ bản hiện hành của tỉnh và phân chia theo các lĩnh vực được quy định tại Khoản 2 mục 2 quy định này | x        | x         | x      |
|          | <i>Hàng năm các xã (không bao gồm phường, thị trấn) được bố trí kinh phí hỗ trợ để đầu tư cho các dự án thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020</i> |          |           | x      |

<sup>4</sup> Dấu x: được phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi

|          |  |          |          |          |
|----------|--|----------|----------|----------|
| 1.2      | Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật  | x        |          |          |
| 1.3      | Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật   | x        |          |          |
| <b>2</b> | <b>Chi thường xuyên của các cơ quan, đơn vị ở từng cấp (tỉnh, huyện, xã) được phân cấp trong các lĩnh vực được quy định tại Khoản 2, Điều 38, Luật NSNN và theo phân cấp quản lý của tỉnh, trong đó lưu ý một số lĩnh vực sau:</b> | <b>x</b> | <b>x</b> | <b>x</b> |
|          | Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề: nhiệm vụ chi cho các Trường Trung học phổ thông và Trung tâm Giáo dục thường xuyên cấp huyện được chuyển về cho ngân sách tỉnh   | x        |          |          |
|          | Sự nghiệp khoa học - công nghệ: cấp huyện và cấp xã không có nhiệm vụ chi nghiên cứu khoa học và công nghệ   | x        |          |          |
| <b>3</b> | <b>Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay</b>  | <b>x</b> |          |          |
| <b>4</b> | <b>Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương</b>   | <b>x</b> |          |          |
| <b>5</b> | <b>Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách địa phương</b>  | <b>x</b> | <b>x</b> | <b>x</b> |
| <b>6</b> | <b>Chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới</b>   | <b>x</b> | <b>x</b> |          |
| <b>7</b> | <b>Chi hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ quy định tại các điểm a, b và c, Khoản 9, Điều 9 của Luật NSNN</b>   | <b>x</b> | <b>x</b> |          |

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**  
**Đã ký: Trần Thanh Liêm**